

**CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG TRANG VINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG TRANG VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG VINH TELECOMMUNICATIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRANG VINH TELECOM.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108300030

**3. Ngày thành lập:** 30/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 6, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                   | 4321        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                         | 4322        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                          | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                     | 4390        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                        | 5610        |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                           | 5621        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4752        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; | 4649        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                     | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                      | 4652(Chính) |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                         | 4659        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                        | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                          | 4933        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                               | 8230        |
| 15. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                               | 9511        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                              | 9512        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                            | 9521        |
| 18. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ;                                                                                                | 6492        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                     | 4931 |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                          | 4520 |
| 24. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                                                    | 4632 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, cát, đá, sỏi, xi măng, gạch xây, sơn, véc ni, kính xây dựng, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; ống nổi, khớp nối, chi tiết lắp ghép; thiết bị lắp đặt vệ sinh | 4663 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4759 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                | 4761 |
| 29. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                     | 9522 |
| 30. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629 |
| 31. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4920 |
| 32. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.                                                                                                                                      | 4772 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>(Trừ hoạt động dịch vụ Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                 | 6209 |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                    | 6820 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                  | 3313 |
| 36. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 37. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                            | 4220 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRINH VĂN VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038090008631

Ngày cấp: 08/09/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hạ 11, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Hạ 11, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRINH VĂN VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038090008631

Ngày cấp: 08/09/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hạ 11, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Hạ 11, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội